**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA**

Số:      /HĐMB

*- Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015;*

*- Căn cứ vào đơn chào hàng (đặt hàng hoặc sự thực hiện thỏa thuận của hai bên.*

Hôm nay, ngày........ tháng....... năm............

Tại địa điểm: ................................................................ Chúng tôi gồm:

Bên A

Tên doanh nghiệp……………………………………………

Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: ………………………………….

Địa chỉ: ……………………………………………………………………

Điện thoại: ………………………………………………………………………

Tài khoản số: …………………. Mở tại ngân hàng: ……………………

Đại diện là ông (bà): …………………………………………………………

Chức vụ: ……………………………………………………………………

Giấy ủy quyền số: ………………………………………………… (nếu có).

Bên B

Tên doanh nghiệp……………………………………………

Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: ………………………………….

Địa chỉ: ……………………………………………………………………

Điện thoại: ………………………………………………………………………

Tài khoản số: …………………. Mở tại ngân hàng: ……………………

Đại diện là ông (bà): …………………………………………………………

Chức vụ: ……………………………………………………………………

Giấy ủy quyền số: ………………………………………………… (nếu có).

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Nội dung công việc giao dịch:

1.      Bên A bán cho bên B:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên hàng | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Ghi chú |
|  |  |  |  |  |  |  |

Cộng………………………………………………………………………………

Tổng giá trị (bằng chữ):…………………………………………………………..

2.      Bên B bán cho bên A:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên hàng | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Ghi chú |
|  |  |  |  |  |  |  |

Cộng………………………………………………………………………………

Tổng giá trị (bằng chữ):…………………………………………………………..

Điều 2: Giá cả:

Đơn giá mặt hàng trên là …………..

Điều 3: Chất lượng và quy cách hàng hóa:

1. Chất lượng mặt hàng....................................................... được quy định theo…………

2.

3.

Điều 4: Bao bì và ký hiệu:

1. Bao bì làm bằng:....................................................................................................

2. Quy cách bao bì:............................... cỡ........................ kích thước:......................

3. Cách đóng gói:

Trọng lượng cả bì:

Trọng lượng tịnh:

Điều 5: Phương thức giao nhận:

1. Bên A giao cho bên B theo lịch sau:

…………………………..

2. Bên B giao cho bên A theo lịch sau:

 ………………………….

3. Phương tiện vận chuyển và chi phí vận chuyển do bên .......... chịu.

4. Chi phí bốc xếp (mỗi bên chịu một đầu hoặc.................................. ).

5. Quy định lịch giao nhận hàng hóa mà bên mua không đến nhận hàng thì phải chịu chi phí lưu kho bãi là ....................................... đồng/ ngày. Nếu phương tiện vận chuyển bên mua đến mà bên bán không có hàng giao thì bên bán phải chịu chi phí thực tế cho việc điều động phương tiện.

6. Khi mua hàng, bên mua có trách nhiệm kiểm nhận phẩm chất, quy cách hàng hóa tại chỗ. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng v.v… thì lập biên bản tại chỗ yêu cầu bên bán xác nhận. Hàng đã ra khỏi kho bên bán không chịu trách nhiệm (trừ loại hàng có quy định thời hạn bảo hành).

Trường hợp giao nhận hàng theo nguyên đai, nguyên kiện, nếu bên mua sau khi nhập kho mới phát hiện có vi phạm thì phải lập biên bản gọi cơ quan kiểm tra trung gian (Vina control) đến xác nhận và phải gửi đến bên bán trong hạn 10 ngày tính từ khi lập biên bản. Sau 15 ngày nếu bên bán đã nhận được biên bản mà không có ý kiến gì coi như đã chịu trách nhiệm bồi thường lô hàng đó.

7. Mỗi lô hàng khi giao nhận phải có xác nhận chất lượng bằng phiếu hoặc biên bản kiểm nghiệm. Khi đến nhận hàng người nhận phải có đủ:

            - Giấy giới thiệu của cơ quan bên mua;

            - Giấy chứng minh nhân dân.

Điều 6: Bảo hành và hướng dẫn sử dụng hàng hóa:

1. Bên bán có trách nhiệm bảo hành chất lượng và giá trị sử dụng loại hàng......... cho bên mua trong thời gian là:..... tháng.

2. Bên bán phải cung cấp đủ mỗi đơn vị hàng hóa một giấy hướng dẫn sử dụng (nếu cần).

Điều 7: Phương thức thanh toán:

1. Bên A thanh toán cho bên B bằng hình thức........................ trong thời gian………….

2. Bên B thanh toán cho bên A bằng hình thức........................ trong thời gian.................

Điều 8: Trách nhiệm vật chất trong việc thực hiện hợp đồng:

1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trên, không đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng, bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt tới ............. % giá trị phần hợp đồng bị vi phạm (cao nhất là 12 %).

2. Bên nào vi phạm các điều khoản trên đây sẽ phải chịu trách nhiệm vật chất theo quy định của các văn bản pháp luật có hiệu lực hiện hành về phạt vi phạm chất lượng, số lượng, thời gian, địa điểm, thanh toán, bảo hành v.v… mức phạt cụ thể do hai bên thỏa thuận dựa trên khung phạt Nhà nước đã quy định trong các văn bản pháp luật về hợp đồng kinh tế.

Điều 9: Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng:

1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết (cần lập biên bản ghi toàn bộ nội dung).

2. Trường hợp các bên không tự giải quyết được mới đưa vụ tranh chấp ra Tòa án.

Điều 10: Các thỏa thuận khác (nếu cần):

Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản pháp luật về hợp đồng kinh tế.

Điều 12: Hiệu lực của hợp đồng:

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày........................ đến ngày...................

Hai bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý hợp đồng này sau khi hết hiệu lực không quá 10 ngày. Bên ....... có trách nhiệm tổ chức và chuẩn bị thời gian, địa điểm họp thanh lý.

Hợp đồng này được làm thành............ bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ.......... bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BÊN A** | **ĐẠI DIỆN BÊN B** |